TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 98 /2020/DS-PT

Ngày: 12/5/2020

"V/v:Tranh chấp chia thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Minh Hoàng.

Các Thẩm phán: Ông Lại Vĩnh Trung;

Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

Đại diện VKSND Thành phố Hà Nội: Ông Lê Đức Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2020, tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2020/TLPT-DS ngày 08/01/2020 về việc "Tranh chấp chia thừa kế". Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST, ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 127/2020/QĐXX-PT ngày 09 tháng 03 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Tân, sinh năm 1964. Cư trú tại: Thôn Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Dương Hồng Biên, sinh năm 1962. Cư trú tại: Thôn Dương Đanh, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Dương Hồng Sơn, sinh năm 1967. Có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1964. Vắng mặt.

3.3. Anh Dương Đức Phúc, sinh năm 1995. Vắng mặt.

3.4. Cháu Dương Thúy An, sinh năm 2002. *Đại diện theo pháp luật của cháu An* là ông Dương Hồng Sơn (bố đẻ cháu An). Có mặt ông Sơn.

Cùng trú tại: Thôn Dương Đanh, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội.

3.5. Bà Dương Thị Hồng Liên, sinh năm 1970. Cư trú tại: Thôn Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Có mặt

Đại diện theo ủy quyền của: Bà Lan, bà Liên, anh Phúc, cháu An là ông Dương Hồng Sơn theo Văn bản ủy quyền ngày 09/8/2019. Có mặt ông Sơn.

3.6. Bà Nguyễn Thị Hường, sinh năm 1965;

3.7. Anh Dương Hồng Lai, sinh năm 1990;

3.8. Chị Dương Thị Loan, sinh năm 1993**.**

Cùng trú tại: Thôn Dương Đanh, Dương Xá, Gia Lâm, TPHà Nội. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo:

4.1. Bà Dương Thị Tân là nguyên đơn. Có mặt;

4.2. Ông Dương Hồng Biên là bị đơn. Có mặt;

4.3. Ông Dương Hồng Sơn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Hồ sơ vụ án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn - bà Tân trình bày: Bố mẹ đẻ bà là cụ Dương Văn Điện, chết

năm 2007 và cụ Nguyễn Thị Thời, chết năm 1991 đều không để lại di chúc. Có 04 người con chung gồm: Ông Biên, ông Sơn, bà Liên và bà (Tân). Bố mẹ bà không có con riêng, con nuôi nào khác; bố mẹ đẻ của bố mẹ bà đều chết trước. Trước khi chết, bố mẹ bà để lại khối tài sản là thửa đất số 97, tờ bản đồ số 08, diện tích 235m^2 (*Sau đây viết tắt là*: thửa đất số 97); trên đất có một ngôi nhà lợp ngói. Tại địa chỉ: Thôn Dương Đanh, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, hiện do gia đình ông Sơn và ông Biên quản lý sử dụng.

Năm 2004, cụ Điện - cụ Thời; ông Biên – bà Hường; ông Sơn – bà Lan được cấp 150 m^2 đất giãn dân thửa đất số 52(1), tờ bản đồ số 05 (*Sau đây viết tắt là*: thửa đất giãn dân số 52(1)) thuộc khu chăn nuôi, thôn Dương Đanh, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Bà xác định cụ Điện - cụ Thời có 50m^2 đất, ông Sơn có 50m^2 đất trong diện tích 150 m^2 đất thửa đất giãn dân số 52(1) được cấp hiện ông Biên đang quản lý, sử dụng.

Bà khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ theo quy định của pháp luật gồm: 235m^2 đất tại thửa đất số 97 và 50 m^2 trong 150 m^2 đất thửa đất giãn dân số 52(1) mà bố mẹ bà được cấp. Không yêu cầu chia nhà ngói bốn gian, không xác định việc tính công sức duy trì tài sản và đề nghị được hưởng bằng hiện vật, kỷ phần của bà được hưởng, bà tự nguyện nhường lại cho ông Sơn được hưởng.

2. Bị đơn - ông Biên trình bày:

Về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế và thửa đất số 97 là di sản chung của cụ Điện –cụ Thời để lại đúng như bà Tân trình bày. Ông nhất trí chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại theo quy định của pháp luật là 235m^2 đất, không yêu cầu chia nhà ngói bốn gian vì không còn giá trị sử dụng, đề nghị chia bằng hiện vật.

Thửa đất giãn dân số 52(1) mà gia đình ông đang ở có nguồn gốc do ông đã tự đến ở từ trước năm 1993. Năm 2004 ông làm đơn xin cấp đất giãn dân và xã hoàn thiện giấy tờ chuyển sang cấp đất giãn dân cho ông. Do ông là thương binh, nên quyết định cấp đất giãn dân cho ông còn miễn giảm 70 % tiền sử dụng đất, ông đã nộp 15.000.000 đồng tiền tạm thu cấp đất giãn dân. Kể từ năm 2004 đến nay, gia đình ông là người quản lý, sử dụng và nộp thuế sử dụng đất giãn dân này. Hiện ông đang đề nghị Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông xác định thửa đất giãn dân số 52(1) là của riêng hai vợ chồng ông; bố mẹ ông (cụ Điện –cụ Thời) và ông Sơn không có quyền lợi đối với thửa đất giãn dân số 52(1) mà ông được cấp. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế và xác định quyền lợi của ông Sơn đối với thửa đất giãn dân số 52(1).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày*:*

3.1. Bà Liên trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện và quan điểm trình bày của bà Tân. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện và các ý kiến trình bày của bà Tân. Kỷ phần mà bà được hưởng thừa kế, bà tự nguyện nhường lại cho ông Sơn được hưởng.

3.2. Ông Sơn và vợ là bà Lan trình bày: Thống nhất như quan điểm trình bày của bà Tân và bà Liên. Kỷ phần thừa kế của ông được hưởng ở thửa đất số 97 ông đề nghị được chia bằng hiện vật, không yêu cầu chia ngôi nhà lợp ngói.

Thửa đất giãn dân số 52(1) thuộc quyền của ba hộ là: cụ Điện - cụ Thời; ông Biên – bà Hường; ông Sơn – bà Lan. Phần của cụ Điện - cụ Thời là 50m^2 đất chia thừa kế theo pháp luật; 50 m^2 đất trong thửa đất giãn dân số 52(1) là của vợ chồng ông Sơn, đề nghị Tòa án công nhận và chia trả diện tích đất này cho ông.

Anh Dương Đức Phúc, chị Dương Thúy An (các con của ông Sơn) không có văn bản nêu ý kiến của mình gửi Tòa án

3.3. Bà Hường, anh Lai, chị Loan (vợ và con ông Biên) trình bày: Thống nhất quan điểm, ý trình bày của ông Biên.

Bản án sơ thẩm (lần 1) số 12/2014/DSST ngày 30/9/2014, TAND huyện Gia Lâm quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Chia thừa kế" của bà Dương Thị Tân đối với di sản của cụ Dương Văn Điện để lại theo pháp luật.

2. Xác định toàn bộ nhà cấp bốn, 4 gian xây tường gạch lợp ngói móc, bếp, giếng trên thửa đất có diện tích 235 m^2, thửa đất số 97, tờ bản đồ số 8, thôn Dương Đanh, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số T288848 ngày 15/11/2004 mang tên hộ gia đình ông Dương Văn Điện, là tài sản chung của hai vợ chồng cụ Dương Văn Điện và cụ Nguyễn Thị Thời.

3. Xác định cụ Nguyễn Thị Thời chết năm 1991, không để lại di chúc. Di sản của cụ Thời để lại đã hết thời hiệu chia thừa kế. Cụ Dương Văn Điện chết năm 2007, không để lại di chúc, di sản thừa kế của cụ Điện để lại được chia theo pháp luật....chia tài sản chung, mỗi cụ được ½ giá trị tương đương với 235 m^2 đất :2 = 117,5 m^2 x 5 triệu = 587.500.000 đồng.

4. Hàng thừa kế hưởng di sản của cụ Dương Văn Điện bao gồm: ông Dương Hồng Biên, ông Dương Hồng Sơn, bà Dương Thị Tân, bà Dương Thị Hồng Liên.

5. Trích công sức quản lý, duy trì di sản của cụ Điện cho các ông Biên, ông Sơn mỗi người bằng một đầu thừa kế.

6. Di sản của cụ Dương Văn Điện 587.500.000đồng cho 06 đầu thừa kế, mỗi kỷ phần là 97.916.000đồng, tương đương 19,58 m^2đất. Ông Biên, ông Sơn mỗi người được 02 kỷ phần bằng hiện vật; bà Tân và bà Liên mỗi người được 01 kỷ phần bằng giá trị, ông Tân, ông Biên thanh toán xong phần giá trị cho bà Liên, bà Tân thì ông Tân, ông Biên mỗi người được hưởng 03 kỷ phần bằng hiện vật.

7. Phần đất của cụ Thời hết thời hiệu chia thừa kế, hiện ông Sơn và ông Biên đang quản lý là phần đất giáp đường làng, không xem xét giải quyết.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm số 12/2014/DSST ngày 30/9/2014. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo.

Bản án phúc thẩm số 53/2015/DSPT ngày 09/03/2015, TAND Thành phố Hà Nội nhận định: Cấp sơ thẩm chưa điều tra đầy đủ, làm rõ 150 m^2 đất giãn dân có phải là di sản thừa kế của cụ Điện hay không?. Quyết định: Hủy bản án sơ thẩm số 12/2014/DSST ngày 30/9/2014 của TAND huyện Gia Lâm.

Quá trình thụ lý, giải quyết sơ thẩm lại. Các đương sự thống nhất với các ý kiến đã trình bày trước đây. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập một số tài liệu, chứng cứ liên quan:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T288848 mang tên hộ gia đình ông Dương Văn Điện, do UBND huyện Gia Lâm cấp ngày 15/11/2004.
- Giấy xác nhận chế độ chính sách đối với ông Biên ngày 12/7/2005
- Biên bản làm việc với UBND xã Dương Xá.
- Danh sách các hộ gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo theo quyết định số 1092 ngày 15/11/2004 của UBND huyện Gia Lâm.
- Văn bản số 115 ngày 20/2/2014 của UBND huyện Gia Lâm.

- Biên bản làm việc ngày 13/10/2015 với UBND xã Dương Xá, trao đổi về nguồn gốc đất giãn dân.

- CV trả lời số 171 ngày 12/7/2019 của UBND xã Dương Xá.

- Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/8/2019; Biên bản định giá ngày 30/8/2019.

Bản án dân sự sơ thẩm (*lần 2*) số 35/2019/DS —ST ngày 21/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện □ Chia thừa kế□ của bà DươngThị Tân.

1. Giao cho ông Dương Hồng Biên 78,1m^2 đất, trị giá 1.171.500.000đồng; giao cho ông Dương Hồng Sơn 156,9m2 đất, trị giá 2.353.500.000 đồng, thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 8, thôn D□ơng Đanh xã D□ơng Xá, Gia Lâm, Hà Nội. (Có sơ đồ kèm theo). Ông Biên trả chênh lệch tài sản cho ông Sơn là 290.250.000đồng. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Bác yêu cầu chia thừa kế của bà Dương Thị Tân, bà Dương Thị Hồng Liên, ông Dương Hồng Sơn đối với 50m2 trong số 150 m^2 thuộc thửa đất số 52(1), tờ bản đồ số 05, Giãn dân khu chăn nuôi, thôn Dương Đanh, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

3. Không giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của ông Dương Hồng Sơn là 50m2 trong số 150m2 thuộc thửa đất số 52(1), tờ bản đồ số 05, Giãn dân khu chăn nuôi, thôn Dương Đanh, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 26/10/2019, bà Tân, ông Sơn kháng cáo với cùng với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 4/11/2019, ông Biên kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án tính công sức duy trì đối với di sản thừa kế của bố mẹ để lại và việc hương khói thờ cúng bố mẹ. Không đồng ý chia di sản thành 04 kỷ phần (mỗi kỷ phần 58,75 m^2 đất); không đồng ý việc buộc ông phải mua lại 20m^2 và trả phần chênh lệch tài sản cho ông Sơn 290.250.000 đồng. Ông có khả thanh toán 38.437.500 đồng án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn – bà Tân giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và phát biểu tranh luận:

- Khi còn sống, cụ Điện đã định đoạt cho ông Sơn 1/2 diện tích 235 m^2 đất của thửa đất số 97 nên phần di sản của cụ Điện-cụ Thời chỉ còn lại 1/2 diện tích 235 m^2.

- 150 m^2 đất thửa đất giãn dân số 52(1) hiện do gia đình ông Biên quản lý, sử dụng là do UBND xã Dương Xá cấp cho ba cặp vợ chồng gồm: Cụ Điện - cụ Thời; ông Biên – bà Hường; ông Sơn – bà Lan. Do vậy cụ Điện có quyền lợi 50m^{2}đất, ông Biên có quyền lợi 50m^2 đất và ông Sơn có quyền lợi 50m^2 đất.

- Đề nghị: Phân chia di sản thừa kế của cụ Điện-cụ Thời để lại là 1/2 diện tích 235 m^2 đất của thửa đất số 97 và 50m^2 đất trong 150 m^2 đất thửa đất giãn dân số 52(1). Kỷ phần của bà được hưởng bà nhường cho ông Sơn.

Bị đơn – ông Biên giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và phát biểu tranh luận:

- Khi còn sống, cụ Điện chỉ nói miệng cho ông và ông Sơn mỗi người 1/2 diện tích 235m^2 đất của thửa đất số 97 và thực tế ông và ông Sơn mỗi người quản lý sử

dụng theo phần đất của mình được cho từ khi cụ Điện chết cho đến nay, nhưng không có căn cứ chứng minh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ pháp luật giải quyết.

- Diện tích 150m^2 đất giãn dân số 52(1) do vợ chồng ông tự đến ở và quản lý sử dụng từ năm 1993. Khi có chủ trương cấp đất gãn dân, ông làm đơn xin và được phê duyệt cấp đất giãn dân. Ngày 25/9/2004, ông nộp 15.000.000 đồng tiền đất giãn dân. Năm 2008, gia đình ông đã được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt và được cấp đất giãn dân. Do vậy diện tích 150m^2 đất tại thửa giãn dân số 52(1) là của vợ chồng ông. Cụ Điện và ông Sơn có quyền lợi đối với thửa đất này.

- Yêu cầu Hội đồng tính công sức duy trì đối với di sản thừa kế và việc ông thờ cúng bố mẹ bằng giá trị hiện vật; Không đồng ý trả ông Sơn 290.250.000 đồng chênh lệch tài sản, xin miễn án phí vì ông là thương binh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phát biểu tranh luận:

- Ông Sơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và phát biểu tranh luận:

+Tháng 02/2006, cụ Điện đã cho riêng ông (bằng miệng) 1/2 thửa đất số 97 tương ứng 02 gian nhà cấp 4 và đất phía trước (khoảng 117m^2). Sau khi cụ Điện chết, ông Biên tự quản lý nhà cấp 4 và phần đất còn lại, phần đất mà ông Biên đang quản lý là di sản của cụ Điện - cụ Thời để lại đề nghị chia thừa kế theo pháp luật.

+ Năm 2006 ông đã phá bỏ 02 gian nhà cấp 4 xây nhà 02 tầng 01 tum và phát triển một số tài sản trên đất tại phần đất được cho và quản lý từ đó cho đến nay. Bản án sơ thẩm số: 35/2019/DS —ST ngày 21/10/2019 đã chia kỷ phần của ông và bà Tân, bà Liên được hưởng đúng vào phần đất trên có nhà và các tài sản mà ông quản lý. Như vậy khi bà Tân, bà Liên đề nghị chia đất thì sẽ phải phá ngôi nhà và các tài sản trên đất của ông, đề nghị Tòa án xem xét.

+ 150 m^2 đất tại thửa đất giãn dân số 52(1) hiện do gia đình ông Biên quản lý có nguồn gốc đúng như bà Tân trình bày, cụ Điện là người đưa cho ông Biên 15.000.000 đồng để nộp tiền đất. Do đó cụ Điện có quyền 50m^{2}đất, ông và ông Biên mỗi người có quyền lợi 50m^{2}đất. Đề nghị phân chia di sản của cụ Điện trong diện tích đất này và buộc ông Biên phải trả 50m^2 đất thuộc quyền lợi của ông.

- Bà Liên giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Kỷ phần mà bà được hưởng, bà nhường cho ông Sơn.

Sau khi ông Sơn phát biểu.

- Ông Biên phát biểu tranh luận thêm: Cụ Điện không đưa tiền cho ông nộp tiền đất, khoản tiền nộp để được cấp đất giãn dân là của ông.

- Bà Tân, bà Liên đều đề nghị: Kỷ phần mà các bà được hưởng, các bà đều nhường cho ông Sơn, không đề nghị phân chia riêng biệt cho từng người.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm; không có văn bản hoặc ý kiến bổ sung.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Kháng cáo của bà Tân và ông Sơn là không có căn cứ.

- Có đủ căn cứ xác định ông Biên và ông Sơn có công sức duy trì, quản lý, trông nom và phát triển khối di sản do cụ Điện- cụ Thời để lại. Do vậy cần trích

công sức duy trì, quản lý, trông nom và phát triển khối di sản tương ứng một kỷ phần thừa kế. Chia khối di sản thừa kế của cụ Điện- cụ Thời thành 05 kỷ phần; 01 kỷ phần thanh toán cho ông Biên và ông Sơn. Ông Biên là thương binh nên được miễn án phí.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

+ Cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn xét xử sơ thẩm.

+ Người kháng cáo là bà Tân, ông Sơn, ông Biên thực hiện quyền kháng cáo và các thủ tục kháng cáo trong hạn luật định, được xác định kháng cáo hợp lệ.

+ Về quan hệ huyết thống: Cụ Nguyễn Thị Thời chết ngày 02/10/1991 âm lịch (*tức ngày 07/11/1991 dương lịch*); cụ Dương Văn Điện chết ngày 22/12/2006 âm lịch (*tức ngày 09/02/2007 dương lịch*). Cả hai cụ chết đều không để lại di chúc, có 04 con chung gồm: Ông Biên, ông Sơn, bà Liên và bà Tân; hai cụ không có con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú nào khác; bố mẹ đẻ của hai cụ đều chết trước hai cụ. Theo quy định tại các Điều: 611, 612, 613, 623, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015 (*Sau đây viết tắt là*: BLDS 2015). Xác định:

+ Thời điểm mở thừa kế của cụ Thời là ngày 07/11/1991; thời điểm mở thừa kế của cụ Điện là ngày 09/02/2007. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thời, cụ Điện gồm 04 người là: Ông Biên, ông Sơn, bà Liên và bà Tân.

+ Bà Tân khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật trong thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 623 BLDS 2015 và Hướng dẫn tại "Giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ" số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018.

[2] Về nội dung:

2.1. *Xét kháng cáo của bà Tân và ông Sơn:*

2.1.1. Về yêu cầu xác định di sản thừa kế do cụ Điện- cụ Thời để lại là 1/2 diện tích 235m^2 đất của thửa đất số 97 và 50m^2 đất trong diện tích 150m^2 thửa đất giãn dân số 52(1); đề nghị xác định ông Sơn có quyền 50m^2 đất trong diện tích 150 m^2 thửa đất giãn dân số 52(1). Hội đồng xét xử thấy:

Đối với thửa đất số 97. Căn cứ lời khai thống nhất của các đương sự. Văn bản số 115 ngày 20/2/2014 của UBND huyện Gia Lâm; biên bản làm việc với UBND xã Dương Xá và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T288848 do UBND huyện Gia Lâm cấp cho chủ sử dụng là hộ gia đình ông Dương Văn Điện. Cấp sơ thẩm xác định: Toàn bộ diện tích 235 m^2 đất tại thửa đất số 97 do bố mẹ cụ Điện để lại cho cụ Điện là tài sản chung của vợ chồng cụ Điện - cụ Thời là đúng quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959. Cụ Thời - cụ Điện chết đều không để lại di chúc. Con đẻ của hai cụ là hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ yêu cầu chia di sản thừa kế của hai cụ là 235 m^2 đất tại thửa đất số 97; không yêu cầu phân chia ngôi nhà ngói đã cũ (không còn giá trị) theo pháp luật. Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là có căn cứ quy định tại các Điều: 611, 612, 613, 623, 650, 651 BLDS 2015.

Bà Tân và ông Sơn cho rằng: Năm 2006, cụ Điện đã cho ông Sơn 1/2 diện tích 235 m^2 đất của thửa đất số 97 để làm nhà. Tuy nhiên các đương sự đều xác định cụ

Điện chỉ nói miệng, không lập văn bản và không có người làm chứng; không có chứng cứ nào khác chứng minh việc cụ Điện đã định đoạt 1/2 diện tích 235 m^2 đất cho ông Sơn. Theo báo cáo số 84 ngày 21/01/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất UBND huyện Gia Lâm cung cấp*: "Ông Dương Hồng Sơn (là con trai ông Điện) chưa thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên"*. Do đó ông Sơn, bà Tân kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xác định phân chia di sản thừa kế của cụ Điện - cụ Thời để lại là 1/2 diện tích của thửa đất số 97; 1/2 diện tích 235 m^2 đất còn lại thuộc quyền của ông Sơn là không có cơ sở chấp nhận. Cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích 235 m^2 đất là di sản của cụ Điện – cụ Thời để lại là đúng quy định pháp luật.

Đối với thửa đất giãn dân số 52(1) diện tích 150 m^2: Tại Biên bản làm việc ngày 13/10/2015, UBND xã Dương Xá cung cấp: Thửa đất giãn dân số 52(1) có nguồn gốc: Năm 1993, vợ chồng ông Biên đã dựng nhà tạm tại một mảnh đất trống (*là thửa đất giãn dân số 52(1) diện tích 150 m^2*), chính quyền địa phương không có ý kiến gì. Năm 1999, Nhà nước có chủ trương cấp đất giãn dân, UBND xã thấy vợ chồng ông Biên đã ở ổn định từ năm 1993, không có tranh chấp, ông Biên là thương binh nên UBND xã đưa hộ ông Biên vào danh sách xem xét cấp đất giãn dân. Năm 2004, ông Biên đã làm đơn xin cấp đất giãn dân và nộp 15.000.000 đồng theo Phiếu thu ngày 25/9/2004. Năm 2008, UBND huyện Gia Lâm và UBND xã Dương Xá đã trình hồ sơ cấp đất giãn dân cho các hộ trong đó có hộ gia đình ông Biên và được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt. Theo hồ sơ danh sách cấp đất giãn dân thì hộ gia đình ông Biên được cấp đất ở thôn Yên Bình, nhưng ông Biên xin ở lại chỗ cũ (*là khu giãn dân chăn nuôi*) và được UBND các cấp chấp nhận. Năm 2008, ông Biên đã xây dựng nhà ở và các công trình khác trên đất tại khu đất giãn dân. Hiện tại, ông Biên đang chờ làm thủ tục xin cấp giấy chứng quyền sử dụng đất ở. Tại Công văn số 171 ngày 12/7/2019, UBND xã Dương Xá tiếp tục khẳng định*: "Thửa đất gia đình ông Dương Hồng Biên hiện đang sử dụng tại thôn Dương Đanh, xã Dương Xá (đã thực hiện đăng ký đất đai theo giấy xác nhận số 6765/GXN-VPĐKĐĐGL ngày 11/5/2017). Thửa đất trên được cấp theo tiêu chuẩn xét cấp đất giãn dân cho hộ gia đình ông Dương Hồng Biên "*. Cấp sơ thẩm xác định: Thửa đất giãn dân số 52(1) diện tích 150 m^2 thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Biên; cụ Điện và ông Sơn không có quyền lợi đối với thửa đất này là có căn cứ pháp luật. Do vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông Sơn và bà Tân.

2.1.2. Xét việc ông Sơn trình bày: Cụ Điện đưa cho ông Biên 15.000.000 đồng để nộp tiền đất giãn dân. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngoài lời khai của ông Sơn, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cụ Điện đưa tiền cho ông Biên nộp tiền đất giãn dân. Ông Biên không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận quan điểm trình bày của ông Sơn.

2.1.3. Xét việc ông Sơn trình bày: Bản án sơ thẩm số: 35/2019/DS —ST ngày 21/10/2019 đã chia kỷ phần của ông và bà Tân, bà Liên được hưởng đúng vào phần đất trên có nhà và các tài sản trên đất của ông. Hội đồng xét xử thấy: Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm; bà Tân và bà Liên đều đề nghị: Kỷ phần mà các bà được hưởng, các bà đều nhường cho ông Sơn, không đề nghị phân chia riêng biệt cho từng người. Do đó cách chia di sản bằng hiện vật cho ông Sơn, bà Tân, bà Liên như cấp sơ thẩm là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và không trái với quy định pháp luật. Trường hợp sau này bà Tân, bà Liên tranh chấp hoặc đòi lại kỷ phần

của họ đã nhường cho ông Sơn sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu các bên có yêu cầu theo quy định pháp luật.

2.2. *Xét kháng cáo của ông Dương Hồng Biên.* Hội đồng xét xử thấy:

Cấp sơ thẩm xác định di sản của cụ Điện - cụ Thời để lại là quyền sử dụng 235 m^2 đất ở, thửa đất số 97(*tài sản sản trên đất, các đương sự đều xác định không còn giá trị, không đề nghị phân chia*); hàng thừa kế thứ nhất của 02 cụ gồm 04 người. Theo yêu cầu của đương sự; chia khối di sản thừa kế cho 04 kỷ phần thừa kế là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651 BLDS 2015.

Tuy nhiên: Cấp sơ thẩm chưa tính công sức, trông nom, duy trì phát triển khối tài sản và việc thờ cúng cho người trực tiếp quản lý. Hội đồng xét xử cần xác định và thanh toán công sức cho họ theo quy định tại Điều 618 BLDS 2015. Xét thấy: Từ năm 2007, cụ Điện chết; bà Tân, bà Liên đã kết hôn về nhà chồng sinh sống không có công sức duy trì khối di sản. Ông Biên và ông Sơn có công trong việc quản lý, duy trì khối di sản nên cần tính công sức của hai ông mỗi người bằng một kỷ phần thừa kế. Do vậy cần thiết phải sửa án án sơ thẩm, chia di sản của cụ Điện- cụ Thời làm 06 phần: Ông Biên, ông Sơn mỗi người được nhận 02 kỷ phần thừa kế bằng hiện vật; bà Tân, bà Liên mỗi người được hưởng 01 kỷ phần và ghi nhận việc hai bà tự nguyện nhường kỷ phần của mình cho ông Sơn. Do các đương sự đều thống nhất các tài sản trên đất không còn giá trị, không đề nghị phân chia nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chia cụ thể như sau:

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá ngày 30/8/2019, tổng giá trị di sản: 235m^2đất x 15.000.000 đồng/1m^2 = 3.525.000.000 đồng. Chia cho 06 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 39,16 m^2 đất trị giá thành tiền là 587.500.000 đồng. Ông Biên được hưởng 02 kỷ phần (*01 kỷ phần thừa kế và 01 kỷ phần được thanh toán công sức*) tương ứng 78,32 m^2 đất trị giá 1.175.000.000 đồng. Ông Sơn được hưởng 02 kỷ phần (*01 kỷ phần thừa kế, 01 kỷ phần được thanh toán công sức*) và nhận kỷ phần của bà Tân và bà Liên nhường thành 04 kỷ phần tương ứng 156,68 m^2 đất trị giá 2.350.000.000 đồng.

Để đảm bảo ổn định và phù hợp với các tài sản mà ông Biên, ông Sơn đã xây dựng, phát triển trên đất. Giao ông Biên được quản lý, sử dụng 78,32 m^2 trị giá 1.171.500.000 đồng và giao ông Sơn được quản lý, sử dụng 156,68 m^2 trị giá 2.350.000.000 đồng là phù hợp với thực tế sử dụng. Giá trị tài sản mà 02 ông được giao đúng bằng quyền lợi của mình nên không phải thanh toán chênh lệch cho nhau.

Ông Biên là thương binh 4/4 thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự. Do vậy ông kháng cáo về nghĩa vụ phải chịu án phí là có căn cứ chấp nhận.

2.3. Quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tân, ông Sơn,
- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dương Hồng Biên.
- Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.
- Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm của TAND huyện Gia Lâm.

[3] Về án phí*:*

Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sửa về nghĩa vụ chịu án phí như sau:

Bà Tân, ông Sơn, bà Liên yêu cầu được hưởng di sản thừa kế đối với 50m^2 đất trong diện tích 150 m^2 thửa đất giãn dân số 52(1) không được chấp nhận nên mỗi người phải chịu án phí theo kỷ phần không được chấp nhận là 4.375.000 đồng.

Ông Sơn yêu cầu xác định ông được quyền sử dụng 50 m^2 đất trong diện tích 150 m^2 thửa đất giãn dân số 52(1) không được chấp nhận nên phải chịu án phí không giá ngạch 200.000 (*theo pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án*). Được hưởng kỷ phần thừa kế, được thanh toán công sức duy trì và hưởng kỷ phần bà Tân, bà Liên là quyền sử dụng 156,68 m^2 đất trị giá trị giá 2.350.000.000đồng. Đối trừ phần ông Sơn được thanh toán công sức trị giá 587.500.000 đồng, còn phải chịu án phí sơ thẩm đối với giá trị phần di sản thừa kế được hưởng là 1.762.500.000 đồng. Nên phải chịu án phí sơ thẩm phần này là [36.000.000 đồng + 3% (1.762.500.000 đồng - 800.000.000 đồng)] = 64.875.000 đồng.

Ông Biên là thương binh 4/4 thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự.

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phúc thẩm.

Các khoản tạm ứng án phí do các đương sự đã nộp được xác định như sau:

- Khoản tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí bà Tân đã nộp theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số 0000838 ngày 05/11/2012 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm đã được xử lý tại Quyết định số 36/2013/QĐPT-DS ngày 31/01/2013 của TAND Thành phố Hà Nội;

- Khoản tiền tạm ứng án phí do bà Dương Thị Tân, ông Dương Hồng Sơn, bà Dương Thị Liên, bà Nguyễn Thị Lan, anh Dương Đức Phúc và cháu Dương Thúy An; mỗi người đã nộp 200.000 đồng theo các "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số: 0001588; 0001589; 0001590; 0001591; 0001592; 0001593 ngày 20/10/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm đã được xử lý tại Bản án phúc thẩm số 53/2015/DSPT ngày 09/3/2015 của TAND Thành phố Hà Nội.

- Khoản tiền 3.900.000 đồng; 1.500.000 đồng và 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Tân đã nộp theo các "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số 553 ngày 26/3/2012, số 2019 ngày 20/8/2015 và số 4834 ngày 31/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm được đối trừ với nghĩa vụ án phí mà bà phải chịu.

- Khoản tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Sơn đã nộp theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số 4835 ngày 31/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm được đối trừ với nghĩa vụ án phí mà ông phải chịu

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều: 609, 611, 612, 613, 616, 618, 623, 649, 650, 651, 660 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959.

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí; Pháp lệnh người có công.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị Tân và ông Dương Hồng Sơn.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dương Hồng Biên. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 35/2019/DSST ngày 21/10/2019 của TAND huyện Gia Lâm. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Dương Thị Tân.

1.1. Xác định: Thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Thời là ngày 07/11/1991; của cụ Dương Văn Điện là ngày 09/02/2007. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Thời, cụ Điện gồm 04 người con chung là: Ông Dương Hồng Biên, bà Dương Thị Tân, ông Dương Hồng Sơn, bà Dương Thị Hồng Liên.

1.2. Xác định: Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Thời và cụ Dương Văn Điện để lại là: Quyền sử dụng 235 m^2 đất ở, thửa đất số 97, tờ bản đồ số 08 tại thôn Dương Đanh, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Thời và cụ Dương Văn Điện để lại thành 06 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 39,16 m^2 đất (trị giá 587.500.000 đồng). Xác nhận: Ông Dương Hồng Biên, ông Dương Hồng Sơn mỗi người được hưởng công duy trì phát triển khối di sản do cụ Thời và cụ Điện để lại bằng một kỷ phần.

1.3. Chia hiện vật:

1.3.1. Chia (giao) cho ông Dương Hồng Biên được hưởng và quản lý sử dụng 02 kỷ phần thừa kế là 78,32 m^2 đất (*trị giá 1.175.000.000đồng*) và các tài sản (*ngôi nhà cấp 4 và các tài sản khác*) gắn liền với diện tích đất được chia tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 08 ở thôn Dương Đanh, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Được giới hạn bởi các điểm 5,8,2,3,4,5 trong sơ đồ kèm theo bản án.

1.3.2. Chia cho bà Dương Thị Tân, bà Dương Thị Hồng Liên mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là 39,16 m^2đất (*trị giá 587.500.000 đồng*) tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 08 ở thôn Dương Đanh, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Ghi nhận việc bà Dương Thị Tân và bà Dương Thị Hồng Liên tự nguyện nhường kỷ phần di sản được hưởng cho ông Dương Hồng Sơn.

1.3.3. Chia cho ông Dương Hồng Sơn hưởng 02 kỷ phần thừa kế là 78,32 m^2 đất (*trị giá 1.175.000.000 đồng*) tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 08 ở thôn Dương Đanh, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; Giao cho ông Dương Hồng Sơn được quản lý, sử dụng kỷ phần của bà Dương Thị Tân và bà Dương Thị Hồng Liên được hưởng tại mục 1.3.2 nêu trên. Tổng ông Dương Hồng Sơn hưởng và được giao quản lý sử dụng 156,68 m^2 đất (*trị giá 2.350.000.000 đồng*) và các tài sản (*ngôi nhà 02 tầng 01 tum và các tài sản khác*) gắn liền với diện tích đất được giao tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 08 ở thôn Dương Đanh, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Được giới hạn bởi các điểm 6,7,1,8,5,6 trong sơ đồ kèm theo bản án.

Ông Dương Hồng Biên và ông Dương Hồng Sơn có quyền và nghĩa vụ chủ động đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được chia, được giao theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Dương Thị Tân, ông Dương Hồng Sơn và bà Dương Thị Hồng Liên đối với 50m^2 đất trong tổng số 150m^2 đất thuộc thửa đất số 52(1), tờ bản đồ số 05, Giãn dân khu chăn nuôi, tại thôn Dương Đanh, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

3. Không chấp nhận việc ông Dương Hồng Sơn yêu cầu xác định ông có quyền đối với 50m^2 đất trong tổng số 150m^2 thuộc thửa đất số 52(1), tờ bản đồ số 05, Giãn dân khu chăn nuôi ở thôn Dương Đanh, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

4. Về án phí:

4.1. Bà Dương Thị Tân phải chịu 4.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu chia thừa kế 50m^2 đất không được chấp nhận. Không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ với khoản 5.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số 553 ngày 26/3/2012; số 2019 ngày 20/8/2015 và số 4834 ngày 31/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Được hoàn trả 1.325.000 (*Một triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng.

4.2. Ông Dương Hồng Sơn phải chịu 69.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (*Án phí phải chịu do: Yêu cầu chia thừa kế 50m^2 đất, yêu cầu công nhận có quyền đối với 50m^2 đất không được chấp nhận*; *phần di sản thừa kế được hưởng và phần được bà Tân, bà Liên nhường*). Không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ với 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số 4835 ngày 31/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Còn phải nộp tiếp 69.150.000(*Sáu mươi chín triệu, một trăm lăm mươi nghìn*) đồng.

4.3. Bà Dương Thị Hồng Liên phải chịu 4.375.000 (*Bốn triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu chia thừa kế 50m^2 đất không được chấp nhận. Không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4.4. Ông Dương Hồng Biên được miễn, không phải chịu án phí dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*;
- *VKSND Tp.Hà Nội ;*
- *Cục THADS TP Hà Nội;*
- *TAND huyện Gia Lâm;*
- *Chi cục THADS huyện Gia Lâm ;*
- *Lưu: VP, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên HĐXX **Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Minh Hoàng